

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HC-ST

Ngày: 11/9/2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của CT UBND huyện H*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng
Ông Hoàng Minh Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HC ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “*khiếu kiện quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HC ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Văn T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952. Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Thuộm, sinh năm 1975. Nghề nghiệp: Luật sư, Công ty Luật TNHH MTV Bạch Đằng Giang, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng (có mặt).

Địa chỉ văn phòng: Số 16, đường Lê Đại Hành, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Quốc H. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Dương Thị Hải A, sinh năm 1982. Địa chỉ: thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Dương Thị Ngọc A, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Dương Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Ninh Bình (sau đây viết tắt Ủy ban nhân dân là UBND).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Duy Q. Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H. Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/12/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Năm 1986 gia đình ông T được cấp diện tích 180m² đất ở thuộc thửa 358, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Sau khi được giao đất từ năm 1987 đến năm 1997 gia đình ông đã tự ý đổ đất, san lấp để làm vườn vào thung lũng phía sau vị trí đất nêu trên.

Ngày 27/5/1996 UBND tỉnh Ninh Bình ban hành quyết định số 774/QĐ-UBND quy định về việc cắm mốc lộ giới đường 12C, cụ thể: Đo từ tim đường ra 02 bên mỗi bên là 7,00m/2 + 2,0m + 10,00m = 15,50m.

Năm 1997 gia đình ông đã đăng ký kê khai diện tích 260m² đất. Năm 1999 UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M291313 cho gia đình ông, trong đó có 3.138m² đất nông nghiệp và 260m² đất ở (180m² đất ở và 80m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 64, tờ bản đồ PL-15. Vị trí thửa đất: phía Bắc giáp đất nông nghiệp của HTX M; phía Nam giáp tuyến đường 12C; phía Tây giáp đất hộ ông Y chuyển nhượng cho anh Giang Văn M từ năm 2009; phía Đông giáp ông Đ. Nguồn gốc đất là Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, thời hạn sử dụng lâu dài.

Năm 2003 thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, các vị trí đất nông nghiệp thay đổi, UBND xã T lập hồ sơ trình UBND huyện H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/12/2008 UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 596708 mang tên Dương Văn T và Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ PL-15, bản đồ xã T năm 1997 diện tích 260m² đất.

Khoảng tháng 10/2010 ông Giang Văn Q cùng con trai đã tự ý phá tường bao lán chiếm khoảng 40m² đất ở của gia đình ông, vị trí lấn chiếm phía sau giáp đất của Hợp tác xã M. Sự việc tranh chấp xảy ra, gia đình ông T đã có đơn khiếu nại gửi các cơ quan có thẩm quyền của huyện H xem xét giải quyết vị trí đất lưu không đường 12C đối với thửa đất của gia đình ông đang sử dụng.

Ngày 17/6/2011 Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện H ban hành Thông báo số 16/TNMT về việc trả lời đơn của ông, trong đó xác định lưu không đường 12C tính từ chân đường trở ra hai bên hệ thống đường tỉnh là 10m. Không đồng ý với trả lời của Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện H nên ông đã có đơn khiếu nại gửi UBND huyện H. Ngày 19/11/2011 UBND huyện H ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND với nội dung bác đơn của ông cho rằng mốc giới đất thổ cư của gia đình ông tại vị trí thửa đất số 64, tờ PL15 tiếp giáp lưu không đường 12C, cách tim

đường 15,5m theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình; giao phòng Tài nguyên – Môi trường phối hợp với UBND xã T thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 596708 do UBND huyện H cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M.

Ông T tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Ninh Bình để xem xét giải quyết hủy Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H.

Ngày 13/02/2012 UBND huyện H ban hành Thông báo số 11/TB-UBND về việc xem xét giải quyết khiếu nại của ông T có nội dung tạm thời dừng việc thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AC 596708 do UBND huyện H cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M.

Ngày 03/5/2012 UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Công văn số 55/UBND-VP10 gửi Chủ tịch UBND huyện H, chuyển khiếu nại của ông đến UBND huyện H để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2017 UBND huyện H ban hành Báo cáo số 297/BC-UBND về Kết quả kiểm tra, rà soát nội dung đơn của ông Dương Văn T. Nội dung báo cáo thể hiện quá trình quản lý, sử dụng thửa đất ông T không mua bán, chuyển nhượng cho ai.

Mặc dù thời gian khiếu nại đã lâu nhưng UBND tỉnh Ninh Bình và UBND huyện H vẫn không phúc đáp trả lời cho ông được biết. Vì vậy ông T cam đoan không tiếp tục khiếu nại và không chờ kết quả giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Ninh Bình mà khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, yêu cầu Tòa án tuyên xử: Hủy một phần Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông trong đó có việc thu hồi và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 596708 do UBND huyện H cấp ngày 30/12/2004 cho hộ gia đình ông là Dương Văn T và Nguyễn Thị M.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện H: Tại Báo cáo số 27/BC-UBND ngày 16/01/2019, Công văn số 139/CV-UBND ngày 17/02/2020 đã nêu quan điểm giữ nguyên Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H bởi các lý do:

Diện tích đất hợp pháp của gia đình ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị M là 180m² tại vị trí thửa đất số 358 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã T lập năm 1986. Diện tích đất này có nguồn gốc do UBND xã T giao trái thẩm quyền. Đến năm 1987, thực hiện Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính Phủ, Ban quản lý và đo đạc bản đồ Hà Nam Ninh, UBND huyện H đã nhất trí hiệp y và xử lý hợp pháp hóa cho 49 hộ dân xã T sử dụng đất hợp lý nhưng chưa hợp pháp tại Văn bản số 45/87/HPH ngày 30/8/1987 (trong đó hộ ông Dương Văn T được xử lý hợp pháp hóa diện tích 180m² tại thửa đất 358 tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã T lập năm 1986).

Tuy nhiên năm 1998, UBND xã T đã không kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị phòng chuyên môn quản lý đất đai của huyện thẩm định trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng cho gia đình ông T, bà M với tổng diện tích là 3.398m² bao gồm: Đất nông nghiệp 3.138m²; đất ở và đất vườn là

260m² (trong đó: đất ở 180m², đất vườn: 80m² do hộ gia đình ông T, bà M tự ý lấn chiếm, chưa được xử lý theo quy định của Luật Đất đai). Đến năm 2003, thực hiện công tác dồn điền đổi thửa, các vị trí đất nông nghiệp bị thay đổi. UBND xã T đã lập hồ sơ trình UBND huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 596708 ngày 30/12/2008 cho ông T và bà M được quyền sử dụng thửa đất số 64, tờ bản đồ PL15, bản đồ xã T lập năm 1997, diện tích 260m² (trong đó đất ở tại nông thôn 180m²; đất trồng cây lâu năm 80m²). Quá trình quản lý, sử dụng thửa đất ông T, bà M không mua bán, trao đổi, chuyển nhượng đất cho ai.

Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 là của Chủ tịch UBND huyện H (không phải là Quyết định của UBND huyện H). Quyết định này không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông T, bà M. Tại Điều 2 Quyết định này chỉ mang tính chỉ đạo điều hành thực hiện chức trách nhiệm vụ, công vụ. Mặt khác, UBND huyện H chưa ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông T, bà M.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị Dương Thị Hải A, chị Dương Thị Ngọc A, anh Dương Văn T (đều là con của ông T bà M) tại Văn bản ý kiến ngày 14/02/2020 đều nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà M.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án: Ngày 23/4/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 04/2019/QĐST-HC với lý do Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H không phải là đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Ông T, bà M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã kháng cáo quyết định đình chỉ nêu trên. Ngày 11/9/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Quyết định số 71/2019/QĐ-PT giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án: Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết vụ án hành chính số 04/2019/QĐST-HC ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình để tiếp tục giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng không tiến hành đối thoại được do người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (được triệu tập họp lệ lần thứ hai).

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy một phần (tức Điều 1 và Điều 2) quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H. Ông T, bà M không nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nêu các căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của người khởi kiện là đúng: Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H là quyết định lưỡng tính, phần đầu ghi là Chủ tịch UBND huyện H, phần sau ghi thay mặt UBND huyện H. Điều 2 của quyết định là vượt quá thẩm quyền giải quyết khiếu nại, giao UBND xã T và Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện thu hồi hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

của gia đình ông T bà M là không đúng quy định của Luật đất đai năm 2003. Nguồn gốc đất cấp cho gia đình ông T trong đó có các con từ năm 1997, ngoài đất ở còn đất nông nghiệp nên việc UBND huyện H không xem xét đến quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đảm bảo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự cơ bản đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 điều 193; khoản 1 điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Điều 20 Luật khiếu nại năm 1998 sửa đổi bổ sung năm 2004. Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị M về việc hủy Điều 1 Quyết định giải quyết khiếu nại số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị M về việc hủy Điều 2 quyết định giải quyết khiếu nại số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H.

Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện H phải nộp án phí 300.000 đồng.

Kiến nghị: đề nghị UBND huyện H, căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại cần thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thẩm quyền, thời hạn giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và tư cách đương sự tham gia tố tụng: Ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND huyện H (sau đây viết tắt là Quyết định số 774/QĐ-UBND) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Dương Văn T, thôn Đ, xã T. Theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính; Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm d khoản 1 Điều 127 Luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 thì quyết định 774/QĐ-UBND là quyết định hành chính, người có thẩm quyền ký ban hành quyết định là Chủ tịch UBND huyện H, vì vậy cần xác định người bị kiện trong vụ án này là Chủ tịch UBND huyện H.

Tuy nhiên khi xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 thì cần phải xem xét tính hợp pháp của các quyết định, văn bản hoặc hành vi hành chính liên quan. Trong vụ án này cần đưa UBND huyện H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét tính hợp pháp đối với hành vi hành chính của UBND huyện H về việc không xác định danh giới, mốc giới đất thổ cư của gia đình ông T tại vị trí thửa 64, tờ bản đồ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C (nay là 38B), cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện: Ông T khiếu nại lần 2 đến UBND tỉnh Ninh Bình nhưng không được xem xét giải quyết mà giao UBND huyện H xem xét giải quyết là không đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết khiếu nại kéo dài, ngày 25/12/2017 UBND huyện H ban hành Báo cáo số 297/BC-UBND về kết quả kiểm tra, rà soát nội dung đơn của ông T. Sau khi biết báo cáo này ông T làm đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 đến Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã thụ lý và giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Về sự vắng mặt của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp đối với hành vi hành chính của UBND huyện H về việc không xác định danh giới, mốc giới đất thổ cư của gia đình ông T tại vị trí thửa 64, tờ bản đồ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C (nay là 38B), cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 16, Điều 17, 64 Luật đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 107 Luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 thì thẩm quyền xác định mốc giới là của UBND huyện H.

Qua các quyết định, thông báo, báo cáo và các văn bản của Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện H và UBND huyện H, sổ mục kê, trích lục bản đồ địa chính năm 1986 và 1998, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và lưu không đường 12C có trong hồ sơ thể hiện:

Nguồn gốc thửa đất số 64, tờ bản đồ PL15, bản đồ xã T lập năm 1997, diện tích 260m² (trong đó đất ở tại nông thôn 180m², đất trồng cây lâu năm 80m²) là do hộ ông Dương Văn T được xử lý hợp pháp hóa quyền sử dụng đất (180m² đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (80m² theo hiện trạng sử dụng), được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2008.

Thời điểm năm 1987 hộ ông T được xử lý hợp pháp hóa quyền sử dụng đất tại thửa đất số 358, tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã T lập năm 1986, diện tích 180m² đất. Thời kỳ này việc xác định lưu không đường căn cứ vào Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ. Lưu không đường 12C được tính từ chân đường vào là 10m.

Năm 1998 gia đình ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 260m² sau khi đã trừ lưu không là 12m tính từ tim đường (khi đó đường 12C có chiều rộng 04m). Năm 1999 khi thực hiện nâng cấp, mở rộng đường 12C, đoạn đi qua vị trí đất nhà ông T được mở rộng toàn bộ về phía Bắc, đường 12C có chiều rộng 5,6m (tim đường, chân đường bị lệch về phía Bắc - phía tiếp giáp với đất của hộ ông T 1,6m so với trước kia).

Hộ ông T sử dụng diện tích 260m² đất phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện H cấp ngày 30/12/2008; vị trí giáp lưu không đường 12C (cách chân đường hiện tại 8,7m) phù hợp so với lưu không đường ở thời điểm được xử lý hợp pháp hóa giao đất làm nhà ở năm 1987.

Theo quy định tại mục 1, Điều 7 quy định tại Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng thì: “Hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ đối với đường quy định như sau: Tính từ mép chân mái đường đắp và từ đỉnh mái đường đào hoặc từ mép ngoài rãnh dọc hay rãnh đỉnh của đường trở ra hai bên, cụ thể: Hệ thống đường Quốc lộ là 20m; Hệ thống đường Tỉnh là 10m”.

Thông tư số 314/ĐBVN, ngày 21/11/1995 của Bộ giao thông vận tải về hướng dẫn việc cắm mốc lộ giới và mốc giải tỏa giai đoạn I hành lang bảo vệ đường bộ đảm bảo an toàn công trình đường bộ và trật tự an toàn giao thông: Hành lang bảo vệ đường bộ được quy định theo Điều lệ bảo vệ đường bộ ban hành kèm theo Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Phạm vi giải tỏa đường bộ giai đoạn I: đối với tỉnh lộ “Đường có các yếu tố kỹ thuật tương đương với quốc lộ cấp I, II và III thì phạm vi giải tỏa giai đoạn I như quốc lộ, cụ thể phạm vi giải tỏa từ 05-07m; Đường có các yếu tố kỹ thuật tương đương với quốc lộ cấp IV, V và VI thì phạm vi giải tỏa giai đoạn I là 04m”.

Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định cắm mốc lộ giới, mốc giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ tỉnh Ninh Bình tại mục 1, phần B quy định: Mốc lộ giới đường tỉnh là 10m. Đo từ tim đường ra 02 bên mỗi bên là : $7,00\text{m}/2 + 2,00\text{m} + 10,00\text{m} = 15,50\text{m}$. Mục 2, phần B quy định: Mốc giải tỏa giai đoạn I là 4m. Đo từ tim đường ra hai bên, mỗi bên là: $7,00\text{m}/2 + 2,00\text{m} + 4,00\text{m} = 9,50\text{m}$.

Như vậy căn cứ vào nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đất, các quy định về mốc lộ giới, mốc hành lang an toàn giao thông đường bộ thì việc UBND huyện H không xác định danh giới, mốc giới đất thổ cư của gia đình ông T tại vị trí thửa 64, tờ bản đồ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C (nay là 38B), cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H.

Đây là quyết định giải quyết khiếu nại phải được Chủ tịch UBND huyện H giải quyết. Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H về hình thức có sai phạm: Mục cơ quan giải quyết là chưa chính xác. Tuy nhiên về phần nội dung quyết định do Chủ tịch UBND giải quyết là đúng. Sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại và lợi ích của công dân nên xác định Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H là đúng thẩm quyền.

Về nội dung và căn cứ ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011: nội dung tại Điều 1 quyết định “Bác nội dung trong đơn của ông Dương Văn T cho rằng mốc giới đất thổ cư của gia đình ông tại vị trí thửa số 64, tờ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C, cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình, về việc ban hành quy định cắm mốc lộ giới, mốc giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ tỉnh Ninh Bình vì khi gia đình ông được xử lý hợp pháp hóa quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên năm 1987, quy định về lưu không đường được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 203/HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ”.

Xét thấy Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình là quyết định về việc ban hành quy định cắm mốc lộ giới, mốc giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ tỉnh Ninh Bình. Tại mục 2 phần B của quyết định quy định mốc giới giải tỏa giai đoạn I là 9,5m tính từ tim đường. Đất gia đình ông T đo đạc thực địa từ tim đường vào phần đất giáp Quốc lộ 12C có các chỉ số đo đều trên 9,5m. Như vậy nằm trong chỉ giới hành lang an toàn giao thông, nằm ngoài phạm vi giải tỏa giai đoạn I. Chủ tịch UBND huyện H giải quyết khiếu nại dựa trên yêu cầu mốc giới giải tỏa giai đoạn I là có căn cứ. Nội dung giải quyết tại Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H là có cơ sở pháp luật. Vì vậy yêu cầu khởi kiện về việc hủy Điều 1 Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 không được chấp nhận.

Điều 2 của Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 “Giao Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện phối hợp với UBND xã T thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số seri AC 596708, cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M...” là đã vượt quá yêu cầu giải quyết khiếu nại của công dân. Phòng Tài nguyên Môi trường huyện H, UBND xã T không đủ thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà thẩm quyền thu hồi đất là của UBND huyện H theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003. Vì vậy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy Điều 2 Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H.

Ngày 13/02/2012 Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Thông báo số 11/TB-UBND về việc xem xét việc giải quyết khiếu nại của ông T. Nội dung thông báo giữ nguyên kết quả xác minh tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 và bác nội dung khiếu nại của ông T cho rằng mốc giới đất thổ cư của gia đình ông tiếp giáp

với lưu không đường 12C, cách tim đường 15,5m; tạm thời dừng việc thực hiện thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số seri AC 596708, cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M...

Tại phiên tòa ông T, bà M xác nhận đến nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri AC 596708, cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M chưa bị thu hồi, hủy bỏ và hiện ông bà đang quản lý.

[2.3] Tại bản án dân sự phúc thẩm số 23/2018/DS-PT ngày 28/12/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xác định đất gia đình ông T đang sử dụng nằm ngoài phạm vi giải tỏa giai đoạn I (9,50m tính từ tim đường) theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông T đối với UBND huyện H về xác định danh giới, mốc giới đất thổ cư của gia đình ông tại vị trí thửa 64, tờ bản đồ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C (nay là 38B), cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của UBND tỉnh Ninh Bình là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy Điều 1 của Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Điều 2 của Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch UBND huyện H.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M không phải nộp. Chủ tịch UBND huyện H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại Điều 193, 206, khoản 1 Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 16, Điều 17, khoản 2 Điều 44, 64 Luật đất đai năm 2003; Điều 20, 38 của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998; khoản 4 Điều 107 Luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M đối với Ủy ban nhân dân huyện H về xác định danh giới, mốc giới đất thổ cư của gia đình ông T bà M tại vị trí thửa 64, tờ bản đồ PL15 tiếp giáp với lưu không đường 12C (nay là 38B), cách tim đường 15,5m theo quy định tại Quyết định số 774/QĐ-UB, ngày 27/5/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định cấm mốc lộ giới, mốc giải tỏa giai đoạn I các tuyến đường bộ tỉnh Ninh Bình.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc hủy Điều 2 Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H với nội dung giao Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân xã

T thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số seri AC 596708, cấp ngày 30/12/2008 cho ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị M.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

4. Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND cấp cao;
- Cục THADS;
- Lưu VP, THC, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Khôi

